

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ N B  
TỈNH N B**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số:12/2020/HNGĐ-ST

Ngày 06/8/2020

V/v “Ly hôn; tranh chấp nuôi  
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N B - TỈNH N B**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Dương Thị Phương

*Các hội thẩm nhân dân:*

Bà Đồng Thị Thanh Hương

Ông Lê Văn Tú

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Tống Thị Huê – Thư ký Toà án nhân dân thành phố N B, tỉnh N B.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố N B tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thùy Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố N B, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 95/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2020 về “Ly hôn; tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1975

Địa chỉ: số nhà 55, phố 2, ngõ 18, phường Vân Giang, thành phố N B, tỉnh N B

Bị đơn: Anh Phạm Văn L, sinh năm 1966

Địa chỉ: số nhà 39, đường Hoàng Diệu, phố Tây Sơn 2, phường Th B, thành phố N B, tỉnh N B.

Tại phiên tòa chị V, anh L có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị V trình bày :

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn L được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 28/3/1996 tại UBND phường Đình Tiên H, thị xã N B, tỉnh N B, nay là phường Th B, thành phố N B. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được 15 năm. Đến năm 2010 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, nên thường xuyên cãi vã lẫn nhau, khiến cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng nặng nề, mâu thuẫn trầm trọng nhất vào năm 2013 khi tôi đang mang thai đứa con thứ 3, anh Luyện không quan tâm gì đến chị mà vợ chồng thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn khó khắc phục; cho đến năm 2019 vợ chồng chị chính thức ly thân mỗi người ở một nơi, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn anh Phạm Văn L.

Về con chung: Chị V và anh Phạm Văn L có 03 con chung, tên các cháu là Phạm Thanh L, sinh ngày 24/5/1997; Phạm Lan A, sinh ngày 10/12/2002 và cháu Phạm Bảo A, sinh ngày 26/02/2013. Hiện nay cháu L đã trưởng thành tự lập được cuộc sống nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Còn đối với cháu Lan A và cháu Bảo A, chị xin được nuôi cháu Bảo A, anh L nuôi cháu Lan A. Không bên nào phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Trong quá trình chung sống chị và anh L đã tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, công nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 22/5/2020, anh Phạm Văn L trình bày: Anh và chị V được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường Đình Tiên H thị xã Ninh Bình nay là phường Th B, thành phố N B, tỉnh N B vào ngày 28/3/1996. Cuộc sống vợ chồng sau kết hôn hạnh phúc và anh, chị sinh được 3 người con. Nay chị V xin ly hôn anh, anh không nhất trí vì anh vẫn còn tình cảm với chị V, và mong muốn chị V suy nghĩ lại rút đơn về để vợ chồng về đoàn tụ cùng nuôi dạy các con. Còn nếu chị V cương quyết xin ly hôn anh, anh đồng ý với điều kiện các con ở với anh và căn nhà hiện tại chị V đang ở tại phường V G, thành phố N B để cho các con anh.

Về con chung: anh và chị V có 03 con chung, tên các cháu là Phạm Thanh L, sinh ngày 24/5/1997, Phạm Lan A, sinh ngày 10/12/2002 và cháu Phạm Bảo A,

sinh ngày 26/02/2013. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, anh xin nuôi cả 3 cháu và yêu cầu chị V cấp dưỡng tiền nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, công nợ chung: Trong quá trình chung sống anh và chị V có tạo lập được khối tài sản chung là nhà và đất tại số nhà 56 đường Xuân Thành, thành phố N B đến tháng 9 năm 2019 vợ chồng anh bán nhà đất trên cho anh Trịnh Xuân Th với số tiền là 3.950.000.000 đồng, với số tiền trên anh cầm 1.500.000 đồng để mua căn nhà ở phường Thanh Bình và hiện tại anh đang ở; còn chị Vy có 1.500.000.000 đồng mua căn nhà tại phường Vân Giang, thành phố N B và hiện tại chị V đang ở. Số tiền còn lại 950.000.000 đồng, anh chị trả Ngân hàng 650.000.000 đồng, còn 300.000.000 đồng chị Vy đang quản lý, nếu Tòa án giải quyết ly hôn anh đề nghị Tòa án chia đôi số tiền trên.

Tại bản tự khai bổ sung ngày 08/6/2020 anh Phạm Văn L trình bày: Về quan hệ hôn nhân, về con chung anh vẫn giữ nguyên quan điểm như bản tự khai đề ngày 22/5/2020, riêng đối với phần công nợ chung là số tiền 300.000.000 đồng hiện nay chị V đang giữ, anh không đề nghị Tòa án giải quyết mà số tiền này chị V có trách nhiệm trả cho chị Vân là chị gái chị V.

Tại lời khai của cháu Phạm Lan A và cháu Phạm Bảo A trình bày: Hiện tại các cháu đang ở với mẹ. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn giữa bố mẹ cháu thì các cháu xin được ở với mẹ.

Tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị được ly hôn anh L vì mâu thuẫn giữa chị và anh L trầm trọng từ năm 2018, anh chị đã sống ly thân, mỗi người ở một nơi vợ chồng không còn tình cảm và quan tâm đến nhau nữa. Về con chung chị xin được nuôi dưỡng chăm sóc cháu Bảo A, anh L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lan A; không bên nào phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố N B tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều được đảm bảo theo quy định của luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chấp nhận toàn bộ yêu

cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị V. Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị V và anh Phạm Văn L.

Về con chung: Đối với cháu Phạm Lan A, sinh ngày 24/5/1997, nay các cháu đã trưởng thành, tự lập được cuộc sống, nên không xem xét giải quyết. Giao cho chị Vy trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Bảo A, sinh ngày 26/02/2013; anh Phạm Văn L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phạm Lan A, sinh ngày 10/12/2002. Không bên nào phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi chung.

Chị V phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị Vy xin ly hôn với bị đơn anh Phạm Văn L có nơi cư trú tại phường Thanh Bình, thành phố N B, tỉnh NB Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố N B, tỉnh N B theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị V và anh Phạm Văn L được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường Đình Tiên Hoàng, thị xã Ninh Bình nay là phường T B, thành phố N B vào ngày 28/3/1996. Hôn nhân giữa chị V và anh L là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn, chị V cho rằng cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được 15 năm, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do giữa hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cuộc sống gia đình không hòa hợp nên xảy ra nhiều mâu thuẫn, khiến cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng nặng nề chính vì vậy để giải quyết mâu thuẫn đến năm 2019 chị và anh L sống ly thân, mỗi người ở một nơi không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Anh L trình bày bản thân anh không muốn ly hôn, anh chấp nhận sống ly thân vì anh muốn các con anh có đầy đủ cả cha mẹ khi các con trưởng thành. Tại phiên tòa, chị V khẳng định anh chị mâu thuẫn trầm trọng từ năm 2018 và hiện tại chị và anh L đã sống ly thân, tài sản chung đã bán chia đôi, mỗi người ở một nơi và tự quản lý tài sản của mình; các con hiện nay, cháu lớn đang ở với bố, hai cháu đang ở với mẹ nên hôn nhân giữa chị và anh L gần như không còn ràng buộc, không còn mục đích và ý nghĩa gì; việc anh L không đồng ý ly hôn và nêu lý do là do anh muốn các con anh trưởng thành cùng bố mẹ, nhưng thực tế nhiều năm

nay anh L cũng không quan tâm, chăm sóc gì đến chị và các con, tiền của ai làm ra người đó quản lý, các con thì lúc về ở với bố, lúc về ở với mẹ. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay anh cũng không quan tâm đến cuộc sống của chị, không liên lạc hay gặp chị V để tìm biện pháp khắc phục mâu thuẫn. Tại biên bản xác minh của Tòa án nhân dân thành phố N B về tình trạng hôn nhân của chị V, anh L ngày 10/7/2020, chính quyền địa phương cũng cung cấp chị Vy và anh Luyện đang sống ly thân, mỗi người ở một nơi, chị V ở phường Vân Giang, anh Luyện ở phường Thanh Bình, thỉnh thoảng anh L có về nhà chị V đang ở rồi đi luôn, quan điểm của phổ đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Vy được ly hôn anh L vì anh , chị đang sống ly thân. Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống hôn nhân giữa chị V và anh L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên cần chấp nhận đề nghị xin ly hôn của chị Nguyễn Thị V là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Chị Vy và anh Luyện có ba con chung là cháu Phạm Thanh L, sinh ngày 24/5/21997, cháu Phạm Lan A, sinh ngày 10/12/2002 và cháu Phạm Bảo A, sinh ngày 26/02/2013. Hiện nay cháu L đã trưởng thành tự lập được cuộc sống nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với cháu Lan A và cháu Bảo A, nguyện vọng của các cháu đều xin được ở với chị V. Hội đồng xét xử nhận thấy để đảm bảo quyền lợi cho các cháu cũng như quyền lợi của chị V, anh L đều là người có công việc ổn định, có thu nhập, trách nhiệm nuôi con là của chung và xét yêu cầu của chị Vy được nuôi cháu Bảo A, giao anh L nuôi cháu Lan A là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Chị V và anh L không bên nào phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền cho con.

[3] Về tài sản chung và công nợ chung: Tại biên bản hòa giải ngày 16/6/2020 và tại phiên tòa hôm nay cả chị V và anh L đều thống nhất không đề nghị Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị V phải nộp án phí ly hôn là 300.000<sup>d</sup> (Ba trăm nghìn đồng);

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ: khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị V về việc “Xin ly hôn; tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” đối với anh Phạm Văn L.

1. Về quan hệ hôn nhân: xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Vy và anh Phạm Văn L.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Bảo A, sinh ngày 26 tháng 02 năm 2013 cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được cuộc sống.

Giao cho anh Phạm Văn L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Lan A, sinh ngày 10 tháng 12 năm 2002 cho đến khi cháu Phạm Lan A đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được cuộc sống.

Chị Nguyễn Thị V, anh Phạm Văn L có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung. Không ai được cản trở chị V, anh L thực hiện quyền này. Khi cần các bên có thể thay đổi việc nuôi con chung.

Về cấp dưỡng tiền cho con: Chị Nguyễn Thị V và anh Phạm Văn L không bên nào phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền cho con.

3. Về tài sản chung và công nợ chung: chị Nguyễn Thị V và anh Phạm Văn L đã tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị V phải nộp 300.000<sup>d</sup> (Ba trăm nghìn đồng). Số tiền trên được trừ vào số tiền chị V đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố N B, tỉnh N B theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0001512 ngày 19 tháng 5 năm 2020. Chị Nguyễn Thị V đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm chị Nguyễn Thị V, anh Phạm Văn L có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật*

*Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh N B;
- VKSNDTP.N B;
- Chi cục THADSTP.N B;
- Các đương sự;
- UBND phường Th B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M Hội đồng xét xử sơ thẩm  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Dương Thị Phương**

